

Ngày thi: 11/01/2015

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15			15		15			55	100		
1	1826618635	Trần Thị Trương	Bích	T18XDDB	10			9		9			8	8.6	Tám phẩy Sáu	
2	1827618633	Lê Xuân	Quan	T18XDDB	8			6		7			3	0.0	Không	
3	1827618634	Mai Anh	Tuấn	T18XDDB	7			6		7			V	0.0	Không	
4	1827618636	Lê Mỹ	Cường	T18XDDB	10			9		9			5.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
5	1827618637	Huỳnh Văn	Quang	T18XDDB	7			6		7			4	5.2	Năm phẩy Hai	
6	1827618639	Đỗ Văn	Tây	T18XDDB	8			9		8			5	6.5	Sáu phẩy Năm	
7	1827618643	Trần	Mí	T18XDDB	8			9		8			4	6.0	Sáu	
8	1827618644	Nguyễn Văn	Bôn	T18XDDB	9			9		8			6	7.2	Bảy phẩy Hai	
9	1827618645	Bùi Hải	Phong	T18XDDB	0			0		0			V	0.0	Không	
10	1827618646	Nguyễn Thanh	Quang	T18XDDB	8			6		7			1.5	0.0	Không	
11	1827618647	Trần Văn	Đức	T18XDDB	10			9		9			6	7.5	Bảy phẩy Năm	
12	1827618648	Nguyễn Văn	Tú	T18XDDB	10			9		9			4.5	6.7	Sáu phẩy Bảy	
13	1827618649	Nguyễn Văn	Hồng	T18XDDB	7			9		7			2	0.0	Không	
14	1827618651	Phan Văn	Hùng	T18XDDB	9			9		8			4	6.1	Sáu phẩy Một	
15	1827618652	Nguyễn Hữu	Thịnh	T18XDDB	10			6		7			5	6.2	Sáu phẩy Hai	
16	1827618654	Nguyễn Văn	Hoan	T18XDDB	8			6		7			5	5.9	Năm phẩy Chín	
17	1827618655	Trần Phước	Quân	T18XDDB	7			6		7			V	0.0	Không	
18	1827618657	Lê Đức	Vũ	T18XDDB	8			8		8			4	5.8	Năm phẩy Tám	
19	1827618658	Nguyễn Thanh	Trục	T18XDDB	9			9		8			1	0.0	Không	
20	1827618659	Hạ	Hà	T18XDDB	10			9		9			1.5	0.0	Không	
21	1827618660	Hồ Xuân	Hùng	T18XDDB	8			9		8			6	7.1	Bảy phẩy Một	
22	1827618661	Phan Văn	Chính	T18XDDB	8			6		7			1	0.0	Không	
23	1827618662	Đặng Xuân	Hòa	T18XDDB	0			0		0			V	0.0	Không	NỢ HP
24	1827618663	Tôn Mạnh	Cường	T18XDDB	8			7		7			5	6.1	Sáu phẩy Một	
25	1827618666	Nguyễn Ngọc	Hà	T18XDDB	0			0		0			V	0.0	Không	NỢ HP
26	1827618668	Nguyễn Thanh	Phong	T18XDDB	8			7		7			5	6.1	Sáu phẩy Một	
27	1827618713	Ngô Văn	Á	T18XDDB	8			9		8			7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
28	178224865	Lê Văn	Linh	T18XDDB	10			9		9			5	7.0	Bảy	
29	178212987	Mai Văn	Tình	T18XDDB	0			0		0			V	0.0	Không	
30	178214814	Lê Văn	Thành	T17XDDB	10			9		7			6	7.2	Bảy phẩy Hai	13889 DT
31	178214832	Nguyễn Hải	Nam	T17XDDB	8			9		7			5	6.4	Sáu phẩy Bốn	18502 DT
32	168222132	Nguyễn Quốc	Vương	T16XDC	9			8		8			6	7.1	Bảy phẩy Một	20809 DT
33	132315710	Châu Quang	Huy	K16XDD2	9			9		7			4	6.0	Sáu	19471 DT
34	178214822	Nguyễn Ngọc	Vĩ	T17XDDB	7			8		7			1	0.0	Không	22194 DT
35	178214838	Nguyễn Duy	Hưng	T17XDDB	8			9		8			4	6.0	Sáu	22195 DT
36	161212256	Phạm Đình	Khôi	C16XCDB	8			9		7			4	5.8	Năm phẩy Tám	19873 DT
37	171213321	Nguyễn Hữu	Công	C17XCDB	7			7		7			V	0.0	Không	19832 DT
38	171216381	Phạm Thanh	Tùng	K17XCD4	8			7		7			4	5.5	Năm phẩy Năm	19515 DT
39	168222070	Phan Đình	Công	T16XDC	9			8		8			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	24038 DT

Ngày thi: 11/01/2015

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15			15		15			55	100			
40	168212754	Trương Công Một	T16XDDB	8			8		7			6	6.8	Sáu phẩy Tám	19825DT	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 01 năm 2015
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Ân